

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG NINH KIỀU**

Số: /UBND-XDĐT

V/v chấp thuận Quy hoạch
tổng mặt bằng Nhà máy
nước Cần Thơ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Kiều, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 06 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ các Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 06/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 quận Ninh Kiều;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Cần Thơ về phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch quy hoạch chung xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD về Quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn Quốc gia QCVN 07:2023/BXD Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 42/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng về ban hành sửa đổi 1:2025 QCVN 07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch cấp nước TP Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3365/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2004 của UBND thành phố Cần Thơ về việc cho Cty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ thuê đất thuộc Nhà máy nước Cần Thơ 1, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3623/QĐ-UB ngày 15 tháng 11 năm 2013 của UBND thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh tên đơn vị thuê đất từ Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ thành tên Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 02/HĐTD-2022 ngày 21 tháng 01 năm 2022 ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ; Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính ngày 04 tháng 8 năm 2025 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 28/7/2016 của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ 1;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 31/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp Thoát nước Cần Thơ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp kiến trúc cảnh quan Nhà máy cấp nước Cần Thơ 1;

Căn cứ Tờ trình số 286/TTr-CTN ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ về việc lấy ý kiến UBND Phường Ninh Kiều về việc phê duyệt nội dung đồ án “Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước Cần Thơ 1”;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Ninh Kiều tại Công văn số 1709/PKTĐT ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước Cần Thơ 1, Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều có ý kiến như sau:

Chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước Cần Thơ 1 với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

- Tên đồ án: Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước Cần Thơ 1

2. Vị trí, quy mô và phạm vi giới hạn

- Quy mô quy hoạch: diện tích 24.900,6m² (2,490 Ha).

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là khu nhà máy cấp nước thuộc địa điểm số 298 Đường 30 tháng 4, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: giáp các khu nhà phố đường Trần Văn Hoài;

+ Phía Nam: giáp đường khu dân cư số 05;

+ Phía Đông: giáp đường 30 Tháng 4;

+ Phía Tây: giáp trung tâm thể dục thể thao Phường Ninh Kiều.

3. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổng mặt bằng: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trúc Phương.

4. Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều

5. Cơ cấu mặt bằng sử dụng đất

Khu vực Nhà máy cấp nước Cần Thơ 1 được phân khu chức năng gồm các loại đất:

- Đất công trình kỹ thuật cấp nước.

- Đất cây xanh.

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, cấp - thoát nước.

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG		8.213,0	33%
1.1	CỬA HÀNG ỒNG NHỰA	CỬA HÀNG	150,0	
1.2	THÁP NƯỚC (MẶT BẰNG ĐỂ THÁP)	THÁP NƯỚC	1.870,4	
1.3	SÂN BÓNG CHUYÊN	SB	232,3	
1.4	NHÀ ĐIỀU HÀNH 1	ĐH1	227,0	
1.5	NHÀ ĐIỀU HÀNH 2	ĐH2	102,3	
1.6	BỂ LỌC NƯỚC 1	BỂ LỌC 1	391,7	
1.7	BỂ LỌC NƯỚC 2	BỂ LỌC 2	300,0	
1.8	BỂ LẮNG NƯỚC 1	BỂ LẮNG 1	280,6	
1.9	BỂ LẮNG NƯỚC 2	BỂ LẮNG 2	280,6	
1.10	BỂ LẮNG NƯỚC 3	BỂ LẮNG 3	181,6	
1.11	BỂ LẮNG NƯỚC 4	BỂ LẮNG 4	181,6	
1.12	BỂ LẮNG NƯỚC 5	BỂ LẮNG 5	337,3	
1.13	BỂ LẮNG NƯỚC 6	BỂ LẮNG 6	335,8	
1.14	BỂ CHỨA	BỂ CHỨA	304,0	
1.15	BỂ PHÂN PHỐI	PP	34,0	

1.16	BỂ TRỘN	BỂ TRỘN	6,0	
1.17	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN	PHÁT ĐIỆN	25,0	
1.18	NHÀ KHO HÓA CHẤT	KHO HÓA CHẤT	270,7	
1.19	PHÒNG HỌP		72,3	
1.20	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 1	XLNT 1	83,3	
1.21	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 2	XLNT2	406,4	
1.22	TRẠM BƠM		17,0	
1.23	NHÀ TOLE 1		61,0	
1.24	NHÀ TOLE 2		23,0	
1.25	NHÀ VỆ SINH 1	WC 1	21,0	
1.26	NHÀ VỆ SINH 2	WC2	76,0	
1.27	NHÀ VĂN PHÒNG	VP	178,3	
1.28	KHO VÀ PHÂN XỬ NHỰA	PX	1.216,3	
1.29	NHÀ BẢO VỆ	BV	15,0	
1.30	PHÒNG GIÁM ĐỐC, HỘI TRƯỞNG (Cải tạo nâng cấp)	P.GD + HT	140,0	
1.31	PHÒNG HỌP	PHÒNG HỌP	72,3	
1.32	SÂN BÃI NHÀ XE		320,2	
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH XÂY MỚI		4.556,3	18%
2.1	BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH, TRẠM BƠM NƯỚC SẠCH		2.377,5	
2.2	HỆ THỐNG THU HỒI VÀ XỬ LÝ, TÁI SỬ DỤNG NƯỚC RỬA - LẮNG - LỌC	RLL	271,3	
2.3	NHÀ KHO	KHO	765,0	
2.4	TRẠM BIẾN ÁP	BA	20,0	
2.5	PHẦN ĐẤT DỰ TRỮ XÂY DỰNG	DỰ TRỮ	1.122,5	
3	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÂY XANH		8.919,3	36%
3.1	PHẦN ĐẤT MẢNG CÂY XANH 1	CX-01	1.533,5	
3.2	PHẦN ĐẤT MẢNG CÂY XANH 2	CX-02	3.902,0	
3.3	PHẦN ĐẤT MẢNG CÂY XANH 3	CX-03	1.064,6	
3.4	PHẦN ĐẤT MẢNG CÂY XANH 4	CX-04	2.103,8	
3.5	PHẦN ĐẤT MẢNG CÂY XANH 5	CX-05	315,4	
4	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		3.212,1	13%
	ĐẤT GIAO THÔNG ĐƯỜNG NHỰA		2.837,5	
	ĐẤT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BÊ TÔNG		374,6	
TỔNG			24.900,6	100%

6. Bố cục không gian quy hoạch kiến trúc

6.1. Giải pháp bố trí mặt bằng:

- Giữ lại các hạng mục công trình nhà máy đang hoạt động.
- Cải tạo các hạng mục công trình nhà máy không còn hoạt động thành mảng xanh trồng cây, hoặc tháo dỡ làm đất dự trữ xây dựng các công trình trong tương lai.

- Bố trí lại các hạng mục vị trí nhà kho; bố trí xây dựng mới bể chứa nước sạch, hệ thống thu hồi và xử lý tái sử dụng nước rửa - lắng - lọc.

6.2. Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Các trục đường giao thông được bố trí thông suốt trong khu vực của đồ án và kết nối với khu vực lân cận. Lòng đường, lề đường theo qui định của đô thị. Dọc hai bên trên đường giao thông bố trí cây xanh, đèn chiếu sáng...

- Các dãy nhà công trình tiếp cận đường giao thông, đảm bảo thông thoáng, xây dựng kiến trúc hiện đại, phù hợp với kiến trúc nhà máy và kiến trúc các công trình lân cận.

6.3. Yêu cầu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan:

- Để tổ chức và bảo vệ cảnh quan trong khu vực lập Đồ án ngay sau khi đồ án được phê duyệt phải ban hành quy chế quản lý xây dựng đúng theo quy hoạch.

- Các đường dây, đường ống kỹ thuật phải được thực hiện theo quy định của quy hoạch xây dựng. Khi thi công các hệ thống kỹ thuật điện, nước phải đồng bộ, tiết kiệm, tránh lãng phí.

- Hệ thống kỹ thuật phải được thực hiện theo quy hoạch và theo quy định về xây dựng hiện hành.

6.4. Chỉ tiêu sử dụng đất và yêu cầu về bố trí công trình:

a) Công trình cải tạo nâng cấp:

Sân bãi nhà xe ô tô:

Có diện tích 320,2m² nằm cạnh cổng hàng rào tuyến đường 30/4. Bãi xe theo mục 2.9.4 QCVN: 01-2021/BXD bố trí 10 xe hơi với diện tích 250m² (25m²/ô tô) và khoảng 20 xe máy (3m²/ xe máy).

Bể chứa:

Có diện tích 304m² nằm cạnh nhà Điều hành 2, nằm dọc tuyến đường đi bộ số 06. Bể hiện tại không còn hoạt động. Bể được cải tạo trồng cây để tạo cảnh quan môi trường.

Cải tạo cổng hàng rào:

Có chiều dài khoảng 77m nằm trên tuyến đường 30 Tháng 4. Hình thức cải tạo phù hợp cảnh quan đô thị và kiến trúc của nhà máy.

Cải tạo nâng cấp phòng giám đốc, hội trường:

Phòng giám đốc hiện hữu sẽ được mở rộng diện tích từ 72,3m² lên thêm 140m². Phòng giám đốc sẽ chuyển chức năng thành phòng họp, phần mở rộng sẽ gồm phòng giám đốc mới và hội trường có sức chứa khoảng 40 người.

b) Công trình xây mới:

Nhà kho:

Có diện tích 765,0m² nằm cạnh tuyến đường số 01, phía sau giáp ranh khu đất trung tâm thể dục thể thao Phường Ninh Kiều.

Công trình đặc thù xây mới:

Để duy trì hoạt động nhà máy nước, Nhà máy cấp nước cần Thơ 1 cần phải xây dựng thêm các công trình phụ trợ như sau:

- + Bể chứa nước sạch có diện tích 2.027,5m² sức chứa 10.000m³ và trạm bơm nước sạch diện tích 350,0m² công suất bơm 40.000m³. Bể có tiếp giáp đường số 01, đường số 02, đường số 04, phía sau giáp bể xử lý nước thải.

- + Hệ thống thu hồi và xử lý - tái sử dụng nước rửa - lắng - lọc với diện tích 271,3 m². Bể có tiếp giáp với tuyến đường số 1 đường số 2 và đường số 4.

Phần đất dự trữ xây dựng:

Có diện tích 1.122,5m² nằm giáp ranh khu dân cư số 05, cạnh tuyến đường số 03 và tuyến đường số 05. Dùng để xây dựng các công trình đặc thù của nhà máy và phải đảm bảo tuân thủ khoảng cách an toàn tối thiểu với khu dân cư theo quy định tại Bảng 2.20 nằm trong phần 2.10 Yêu cầu về cấp nước, tiểu mục 2.10.1 (quy định về khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước) của QCVN 01 : 2021/BXD.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng (san nền):

- Đảm bảo căn cứ theo định hướng quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt Thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đối với khu đất hiện hữu, giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng nếu đạt cao độ $H_{xd} \geq 2.55\text{m}$. Khi tiến hành cải tạo, xây dựng mới chỉ san nền cục bộ đạt cao độ $\geq +2.55$ theo hệ cao độ Hòn Dấu và không làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của khu vực xung quanh.

7.2 Giao thông:

- Cấp đường : đường nội bộ.
- Dốc ngang mặt đường xe chạy : 2%.
- Cao trình thiết kế tại tim đường : +2.7 (so với cao độ Quốc gia Hòn Dấu).
- Căn cứ các quy định tại Mục 4.3 Quy hoạch giao thông đô thị của “Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng”
- Các tuyến đường số 01, đường số 02, đường số 03, đường số 04 được cải tạo nâng cấp trên tuyến đường hiện hữu. Các tuyến đường được mô tả thiết kế như sau:
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%, Kết cấu mặt đường thảm nhựa, trên móng cấp phối đá dăm.
 - + Cao độ đỉnh gờ bó vỉa là +2.80 m (so với cao độ Hòn Dấu).
 - + Cao độ tại tim đường: +2.76 m (so với cao độ Hòn Dấu).
 - + Bán kính bó vỉa tại các giao lộ: $R \geq 4\text{m}$.
- Tuyến đường số 05 là tuyến đường quy hoạch mới, tuyến đường số 05 được mô tả thiết kế như sau:
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%, Kết cấu mặt đường thảm nhựa, trên móng cấp phối đá dăm.
 - + Cao độ đỉnh gờ bó vỉa là +2.80m (so với cao độ Hòn Dấu).
 - + Cao độ tại tim đường: +2.76m (so với cao độ Hòn Dấu).
 - + Bán kính bó vỉa tại các giao lộ: $R \geq 4\text{m}$.
- Tuyến đường số 06 được nâng cấp trên đường bê tông hiện hữu, mục đích sử dụng cho người đi bộ, xe đạp, xe máy giúp cho việc đi đến các khu chức năng thuận tiện hơn. Tuyến đường số 06 được mô tả thiết kế như sau:
 - + Độ dốc ngang mặt đường: 2%, Kết cấu mặt đường bê tông.

- + Cao độ đỉnh gờ bó vỉa là +2.80 m (so với cao độ Hòn Dấu).
- + Cao độ tại tim đường: +2.73 m (so với cao độ Hòn Dấu).
- + Bán kính bó vỉa tại các giao lộ: $R \geq 3m$.

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG GIAO THÔNG										
STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐIỂM MỐC		KÝ HIỆU MẶT CÁT	KÍCH THƯỚC			CHIỀU DÀI (m)	LOẠI ĐƯỜNG	DIỆN TÍCH (m ²)
		ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI		VỈA HÈ TRÁI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ PHẢI (m)			
1	ĐƯỜNG SỐ 01	1A	4A	1-1	0	6	0	180	ĐƯỜNG NHỰA	1036,6
2	ĐƯỜNG SỐ 02	4A	5A	1-1	0	6	0	50	ĐƯỜNG NHỰA	307,2
3	ĐƯỜNG SỐ 02	5A	7A	2-2	0	5	0	58	ĐƯỜNG NHỰA	302,9
4	ĐƯỜNG SỐ 03	6A	8A	2-2	0	5	0	37,6	ĐƯỜNG NHỰA	193,8
5	ĐƯỜNG SỐ 03	8A	9A	3-3	0	3,5	0	31,4	ĐƯỜNG NHỰA	117,9
6	ĐƯỜNG SỐ 04	9A	10A	2-2	0	5	0	25,2	ĐƯỜNG NHỰA	133,7
7	ĐƯỜNG SỐ 04	3A	10A	1-1	0	6	0	62,5	ĐƯỜNG NHỰA	382,2
8	ĐƯỜNG SỐ 05	10A	12A	3-3	0	3,5	0	98,7	ĐƯỜNG NHỰA	363,2
9	ĐƯỜNG SỐ 06	2A	11A	4-4	0	3	0	120,7	ĐƯỜNG BÊ TÔNG	374,6
TỔNG CỘNG										3.212,1

7.3 Cấp điện và chiếu sáng:

a. Hiện trạng nguồn điện, lưới điện và chiếu sáng công cộng:

- Nguồn điện cung cấp từ lưới trung thế hiện hữu.
- Lưới điện trung thế 22 KV nổi.
- Hiện hữu có 2 trạm biến áp.
- Lưới đèn chiếu sáng công cộng chưa được xây dựng hoàn chỉnh.

b. Cấp điện và chiếu sáng:

- Hiện trạng nguồn điện, lưới điện và chiếu sáng công cộng:
 - + Nguồn điện cung cấp từ lưới trung thế hiện hữu.
 - + Lưới điện trung thế 22 KV nổi.
 - + Hiện hữu có 2 trạm biến áp.
 - + Lưới đèn chiếu sáng công cộng chưa được xây dựng hoàn chỉnh.
- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp từ lưới trung thế hiện hữu (Vị trí thể hiện trên bản vẽ). Dùng nguồn điện quốc gia qua trạm từ 110/22KV.
 - Lưới điện trung thế 22 KV nổi. Lưới trung thế 03 pha, sử dụng dây pha là dây nhôm lõi thép 22KV có tiết diện từ 95mm².
 - Trụ : Sử dụng trụ BTLT 12m, khoảng trụ bình quân từ 40m-55m
 - Lưới hạ thế phân phối 0.4 KV đi ngầm. Cấp hạ thế là loại cáp đồng bọc: Vì phụ tải có dạng hình tia nên đối với những nơi có phụ tải lưới ta dùng cáp 3xCV120+CV95, phụ tải nhỏ ta dùng loại cáp: 3xCV95+CV50.
- Sử dụng tủ điện composite để phân phối đường dây hạ thế, khoảng cách trung bình từ 50-60m.

- Trạm biến áp: Yêu cầu về trạm 22/0,4KV:
- + Quy cách máy biến thế được chọn theo QĐ 1094/EVN-ĐL2.4 ngày 10/05/2005 của ĐL2
- + Công suất của máy biến thế phải phù hợp với tình hình thực tế của khu vực cung cấp điện. Trạm biến thế được bố trí dạng trụ .
- + Bán kính phục vụ: Từ 0.4Km - 0.6Km.
- Lưới đèn chiếu sáng công cộng:
- + Dây dẫn: dùng cáp đồng bọc có tiết diện 25mm², dây nguội dùng chung với nguội hạ thế tiêu dùng, sinh hoạt.
- + Đèn: Dùng đèn Led năng lượng mặt trời tiết kiệm điện năng, độ bền sáng cao: chip led 192pcs 3030, quang thông: 170lm/w, pin lifePO4: 12.8V/57AH. Tấm pin năng lượng mặt trời đơn sắc: 18V100W. Thời gian sạt 6-8 giờ, thời gian thấp sáng khi trời mưa: 5-7 ngày, chế độ sáng: 3h100% + 2h80%+7h25%.

c. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống cáp truyền dẫn đã được lắp đặt trong khu quy hoạch.

7.4. Cấp nước:

- Nguồn nước cung cấp phục vụ cho công trình trong khu đất quy hoạch tại nhà máy.

- Cơ sở thiết kế: QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng; QCVN 07-1:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp nước; QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch được đầu nối với đường ống cấp nước tại nhà máy nước Cần Thơ 1.

- Chỉ tiêu cấp nước tính toán:

+ Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt qsh = 180 lít/người-ngđ;

+ Nước tưới cây, rửa đường qtc = 8%×qsh;

+ Lưu lượng nước rò rỉ: 15%×(lưu lượng chung);

+ Nước chữa cháy: 15 (lít/s) - 01 đám cháy diễn ra liên tục trong 3 giờ.

- Xác định tổng lưu lượng nước cần thiết:

+ Tổng số người được phục vụ: khoảng 25 người.

- + Hệ thống cung cấp nước phải đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng, áp lực, lưu lượng nước cấp cho các nhu cầu trong nhà máy.

7.5. Phòng cháy chữa cháy:

- Bố trí các trụ nước cứu hỏa trên mạng lưới với khoảng cách tối đa là 150m. Lắp đặt trụ chữa cháy đặt dọc theo lề đường, các trụ kết nối trực tiếp với hệ thống cấp nước trong khu vực đồ án sẽ cung cấp nước cho xe chữa cháy khi cần thiết, mỗi trụ chữa cháy ngoài trời có 02 họng ra. Khoảng cách từ tâm của họng chữa cháy đến mặt nền hoàn thiện là: 1,25 m.

- Giao thông đảm bảo đường cho xe chữa cháy tới nơi lấy nước chữa cháy (trụ nước chữa cháy, bể dự trữ nước chữa cháy,...).

7.6. Thoát nước:

Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn dùng nước: $Q_{tc} = 180$ (lít/người.ngàyđêm)
- Tiêu chuẩn TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu chuẩn thiết kế;
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 07-1:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước;
- Dựa vào mặt bằng tổng thể bố trí độ dốc nền, bố trí hố ga sao cho thu được nước thải sinh hoạt của các nhà vệ sinh. Nước thải nhà vệ sinh được dẫn về bể tự hoại theo quy trình bể chứa - lọc - lắng rồi kết nối về hố ga rồi mới thoát nước về tuyến cống chính của hạ tầng đô thị.
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt của nhà máy được tập trung vào tuyến cống chính và thu gom về hố ga tập trung để xử lý, bảo đảm các chỉ tiêu môi trường đạt Cột A, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2025/BTNMT (hoặc QCVN 14:2008/BTNMT nếu dự án đã được phê duyệt từ trước và đang trong lộ trình chuyển tiếp) sau đó được đầu nối từ vị trí từ hố ga trong khuôn viên Nhà máy nước cần Thơ 1 vào hố ga của hệ thống thoát nước công cộng hiện hữu trên vỉa hè đường đường 30 Tháng 4, phường Ninh Kiều, Thành phố cần Thơ.
- Sử dụng hệ thống ống PVC có đường kính từ D.114 đến D.500 đặt ngầm để tổ chức thu nước thải triệt để vào các hố thu nước bê tông cốt thép để thu gom lượng nước thải sinh hoạt.
- Nước thải sẽ được xử lý triệt để tại từng căn nhà bằng bể tự hoại vi sinh 4 ngăn gồm: Ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc và hố ga.
- Lưu lượng nước thải sinh hoạt được xác định theo:
 - + Tiêu chuẩn thoát nước = 180 lít (người/ngày.đêm)

Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước được thiết kế thu nước mưa và nước mặt trên các tuyến đường và các công trình trong khu vực đất quy hoạch.
- Sử dụng hệ thống cống bê tông ly tâm có đường kính từ D.400 đến D.1000 đặt ngầm để tổ chức thoát nước mưa triệt để vào các hố thu nước bê tông cốt thép để thu gom lượng nước mưa.

7.7. Phương án vệ sinh môi trường:

Tiêu chuẩn rác thải = 0,8 kg/người/ngày đêm.

- Quy mô dân số: khoảng 25 người.
- Tổng lượng rác thải dự kiến: 20kg/ngày đêm.

Rác thải từ nhà máy được nhân viên thu gom và tập kết tại các thùng rác trên tuyến đường 30/4. Sau đó, hệ thống xe thu gom nhỏ sẽ vận chuyển lượng rác này về điểm trung chuyển tập trung, trước khi Công ty xử lý rác đô thị tiến hành vận chuyển về bãi rác trung tâm ngay trong ngày theo đúng quy định.

8. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

8.1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hoàn thiện các thủ tục về đất đai đúng theo quy định tại Luật đất đai số 31/2024/QH15 và các quy định pháp luật khác kèm theo trước khi thực hiện các bước tiếp theo.

- Tổ chức cắm mốc ranh quy hoạch theo đúng quy định pháp luật.

- Phương án thiết kế kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật phải phù hợp Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn thiết kế và các quy định có liên quan hiện hành.

- Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của số liệu và các nội dung thể hiện trong hồ sơ chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng.

- Về môi trường: Đề nghị chủ đầu tư rà soát theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 để lập báo cáo đề xuất xin cấp giấy phép môi trường trước khi dự án đi vào vận hành.

- Chủ Đầu tư cam kết công suất thiết kế của Nhà máy nước Cần Thơ 1 đạt tối đa 80.000m³/ngày.đêm.

- Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều chỉ phê duyệt các chỉ tiêu kiến trúc - quy hoạch của dự án, không phê duyệt dây chuyền công nghệ hay công nghệ sản xuất bên trong của dự án Nhà máy nước Cần Thơ 1.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung đã được duyệt. Phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Văn phòng HĐND và UBND phường tổ chức công bố, công khai Quy hoạch Tổng mặt bằng theo quy định tại Điều 50 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Đồng thời quá trình triển khai thực hiện quy hoạch phải đảm bảo tuân thủ các quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng, môi trường, an toàn trong xây dựng và các quy định khác có liên quan.

8.2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

Phối hợp với các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn Chủ đầu tư triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đồng thời tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đồ án quy hoạch tổng mặt bằng đã được chấp thuận và công khai quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân phường Ninh Kiều kính chuyển nội dung trên đến Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nội dung chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước Cần Thơ 1./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Xây dựng thành phố (để b/c);
- TT. UBND phường (1A, 1B);
- Phòng KT, HT và DT phường (lưu 01 bộ hồ sơ);
- VP HĐND - UBND phường (lưu 01 bộ hồ sơ);
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Ánh

